

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2006/QĐ-UBND

*Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 7 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Chương trình đổi mới và phát triển  
Doanh nghiệp đến năm 2010**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 25/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN thuộc tỉnh quản lý đến năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 134/2005/QĐ-TTg ngày 06/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh hình thức sắp xếp đổi mới một số công ty nhà nước thuộc tỉnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 63/2006/QĐ-TTg ngày 17/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới nông, lâm trường quốc doanh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 94/2002/QĐ-TTg ngày 17/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 879/SKHĐT ngày 04 tháng 7 năm 2006,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đổi mới và phát triển doanh nghiệp đến năm 2010.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN  
DOANH NGHIỆP ĐẾN NĂM 2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40/2006/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 7 năm 2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**I/ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHUNG**

Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ tháng 01/2000, đến nay số lượng, chất lượng doanh nghiệp ở tỉnh ta phát triển khá nhanh, số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực xây dựng chiếm khá cao (40%), còn lại ở lĩnh vực sản xuất và dịch vụ thương mại. Đa số các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế kinh doanh có hiệu quả, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp ngân sách nhà nước qua các năm đều tăng. Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp có qui mô và vốn nhỏ bé, số lượng lao động không lớn và trình độ tay nghề thấp, khả năng cạnh tranh hạn chế; đa số các doanh nghiệp thiếu thông tin về thị trường, trình độ hiểu biết và ý thức tuân thủ pháp luật chưa cao; trình độ khoa học công nghệ thấp; khả năng liên kết giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế theo ngành và địa phương còn nhiều hạn chế; quản lý nội bộ của các doanh nghiệp chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, thiếu chuyên nghiệp. Việc đăng ký, kê khai, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác của một số doanh nghiệp còn nhiều lúng túng, báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp chưa được công khai và gửi đầy đủ cho các cơ quan theo qui định của pháp luật.

**II/ CĂN CỨ ĐỀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2006-2010**

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003; Luật Doanh nghiệp năm 2005;
2. Căn cứ các Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 9, khóa IX về đổi mới phát triển nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Nghị quyết 14 Khóa IX về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân;

3. Căn cứ Nghị định số 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa;
4. Căn cứ Quyết định số 94/2002/QĐ-TTg ngày 17/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân;
5. Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 25/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN thuộc tỉnh quản lý đến năm 2005;
6. Căn cứ Quyết định số 134/2005/QĐ-TTg ngày 06/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh hình thức sắp xếp đổi mới một số công ty nhà nước thuộc tỉnh quản lý;
7. Căn cứ Quyết định số 63/2006/QĐ-TTg ngày 17/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới nông, lâm trường quốc doanh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
8. Căn cứ Quyết định số 04/2005/QĐ-TTg ngày 06/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010;
9. Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

## PHẦN I

### TỔNG QUAN VỀ THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP

#### I/ THỰC TRẠNG ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NĂM 2001-2005

##### A- Kết quả

##### 1. Trong đổi mới, phát triển DNNN (doanh nghiệp nhà nước)

Thực hiện Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 25/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN trực thuộc tỉnh quản lý đến năm 2005; kết quả thực hiện: Đổi mới tổ chức hoạt động 06 doanh nghiệp; chuyển thành đơn vị sự nghiệp 03 doanh nghiệp; cổ phần hóa 10 doanh nghiệp; sáp nhập 02 doanh nghiệp; hợp nhất 02 doanh nghiệp; giải thể 05 doanh nghiệp; chuyển làm thành viên Tổng công ty 02 doanh nghiệp; bán DNNN 01 doanh nghiệp; chuyển Công ty TNHH 01 thành viên 02 doanh nghiệp.

Việc sắp xếp, đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh các DNNN ở tỉnh nhìn chung bước đầu đã tạo được chuyển biến tích cực trong hoạt động của các doanh nghiệp. Những doanh nghiệp trước đây hoạt động có hiệu quả, sau khi sắp xếp có cơ hội đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và đem lại hiệu quả tốt hơn. Một số doanh nghiệp có những khó khăn về tổ chức, lao động, tài chính, thị trường v.v... sau khi sắp xếp đã từng bước giải quyết được khó khăn, hoạt động có hiệu quả và tăng thu nhập cho người lao động.

## ***2. Trong phát triển kinh tế tư nhân***

Thực tế trong những năm qua, sự phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng của kinh tế tư nhân đã góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng cũng như đóng góp ngân sách, tạo việc làm, tăng thu nhập cá nhân, góp phần đáng kể trong việc huy động nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà.

Kể từ khi Luật Doanh nghiệp có hiệu lực (01/01/2000) số lượng các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng nhanh chóng. Trước năm 2000 có 140 doanh nghiệp, từ năm 2001-2005 có 900 doanh nghiệp. Đến cuối năm 2005 toàn tỉnh có 1.040 doanh nghiệp hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, vốn đăng ký bình quân của 01 doanh nghiệp trên 2 tỷ đồng.

Toàn tỉnh đến nay có khoảng 260 chi nhánh, văn phòng các loại hình doanh nghiệp đang hoạt động và có 29.000 hộ kinh doanh cá thể. Đa số các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, kinh doanh có lãi, chỉ một bộ phận nhỏ doanh nghiệp (dưới 10%) thành lập nhưng không tìm hiểu kỹ thị trường, thiếu kiến thức kinh doanh, dẫn đến hoạt động cầm chừng, kinh doanh không hiệu quả nên phải giải thể.

## **B- Tồn tại**

### ***1- Trong đổi mới, phát triển DNNN***

Tiến độ thực hiện Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN giai đoạn 2001-2005 còn chậm, nhất là việc giải thể các doanh nghiệp còn kéo dài, việc cổ phần hóa 01 doanh nghiệp chưa xong (Công ty Quản lý và Xây dựng giao thông Quảng Ngãi), việc chuyển sang Công ty TNHH 01 thành viên còn 01 doanh nghiệp chưa thực hiện được (Công ty In – Phát hành sách và Thiết bị Quảng Ngãi), việc xây dựng Đề án sắp xếp Nông, Lâm trường tiến hành chậm, do đó đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của một số doanh nghiệp, người lao động thiếu yên tâm và làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Nguyên nhân chính là do một số doanh nghiệp chưa tích cực thực hiện việc chuyển đổi, sự phối hợp giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với một số Sở, ngành liên quan chưa chặt chẽ, có lúc còn lẫn tránh trách

nhiệm, khi doanh nghiệp gặp khó khăn, vướng mắc chưa tích cực tìm biện pháp tháo gỡ và đề xuất UBND tỉnh giải quyết kịp thời.

## ***2- Trong phát triển kinh tế tư nhân***

Chưa thành lập được Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Quyết định 193/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chưa xây dựng được mạng thông tin về doanh nghiệp trên địa bàn để cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho các cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu; chưa ban hành được Quy chế phối hợp quản lý doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh; công tác kiểm tra doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh chưa được thường xuyên cho nên chưa nắm chắc được tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có hướng quản lý tốt hơn và kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển.

Nguyên nhân chính là do vốn ngân sách chưa bố trí được vốn theo qui định phải có để thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng; dự án tin học quản lý doanh nghiệp theo Đề án 112/CP mới được triển khai cuối năm 2005; biên chế phòng làm nhiệm vụ đăng ký kinh doanh ở tỉnh và huyện còn thiếu, chưa được tăng cường, củng cố, chưa có cơ chế phối hợp với Thanh tra, Thuế quản lý doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể sau đăng ký kinh doanh có hệ thống từ tỉnh đến huyện, thành phố.

## **II/ ĐỊNH HƯỚNG VỀ ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2006-2010**

### ***1- Định hướng về đổi mới và phát triển Công ty nhà nước***

1.1- Tiếp tục giảm số doanh nghiệp nhà nước (công ty nhà nước) hiện có thuộc tỉnh quản lý theo Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 9, khóa IX và tăng qui mô doanh nghiệp. Những doanh nghiệp thua lỗ, không có khả năng tồn tại cương quyết giải thể nhanh, tránh dây dưa kéo dài làm thất thoát tài sản nhà nước.

1.2- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, đổi mới công ty nhà nước thuộc tỉnh quản lý đã được phê duyệt tại Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 25/02/2003 và triển khai thực hiện Quyết định số 134/2005/QĐ-TTg ngày 06/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh hình thức sắp xếp đối với một số công ty nhà nước thuộc tỉnh quản lý; triển khai thực hiện Quyết định số 63/2006/QĐ-TTg ngày 17/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới nông, lâm trường quốc doanh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

1.3- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh của các công ty nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và công ty nhà nước giữ cổ phần chi phối trên 50% vốn điều lệ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

1.4- Thực hiện theo lộ trình chuyển đổi hàng năm, các công ty nhà nước thành lập theo Luật DNNN phải chuyển đổi thành công ty TNHH hoặc công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 (khi Chính phủ có qui định và hướng dẫn trình tự, thủ tục chuyển đổi), đến năm 2010 việc chuyển đổi các công ty nhà nước phải thực hiện xong.

## **2- Định hướng về đổi mới và phát triển kinh tế tư nhân (doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp)**

Trên cơ sở định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh đến năm 2010 và kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa 2006-2010 của tỉnh (đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 3/2005), định hướng đổi mới và phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh như sau:

2.1- Tăng số lượng doanh nghiệp thành lập mới; củng cố và phát triển doanh nghiệp hiện đang hoạt động có tính chuyên môn hóa cao, tăng khả năng cạnh tranh, hiệu quả, ổn định và bền vững.

2.2- Nâng cao năng lực quản lý của các doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, trang thiết bị tiên tiến; sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường, thực hiện nghĩa vụ với nhà nước đúng pháp luật và ngày càng tăng, hướng dẫn và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động theo đúng pháp luật lao động; có hình thức tuyên dương, khen thưởng các doanh nghiệp chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật nhà nước, xây dựng điển hình tiên tiến để nhân rộng cho mọi doanh nghiệp thực hiện.

2.3- Ưu tiên phát triển doanh nghiệp ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; doanh nghiệp đầu tư vào cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống; phát triển doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, y tế, đào tạo nghề, lĩnh vực tư vấn pháp lý; khuyến khích các hộ cá thể thành lập doanh nghiệp; ưu tiên phát triển, hỗ trợ nữ doanh nhân, các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, nhất là lao động nữ, lao động là đồng bào dân tộc, người tàn tật v.v... khuyến khích doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh không chỉ vì mục tiêu lợi nhuận mà còn tham gia hoạt động thực hiện các chính sách xã hội.

## **PHẦN II**

### **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ VỀ ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN (2006-2010)**

## I/ CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY NHÀ NƯỚC

*\* Chương trình năm 2006:*

**1- Tiếp tục hoàn thành Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN giai đoạn 2003-2005**

**1.1- Cổ phần hóa doanh nghiệp:**

- Công ty Quản lý và Xây dựng giao thông Quảng Ngãi

**1.2- Tiếp tục giải thể DNNN:**

- Công ty Vận tải Biển Quảng Ngãi ( đang triển khai thực hiện)

**2- Triển khai thực hiện Quyết định số 134/2005/QĐ-TTg ngày 06/6/2005 và Quyết định số 63/2006/QĐ-TTg ngày 17/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ**

**a) Chương trình năm 2006:**

**a.1- Cổ phần hóa:**

- Công ty Thanh niên xung phong xây dựng nông thôn và miền núi Quảng Ngãi;

- Công ty In-Phát hành sách và Thiết bị Quảng Ngãi.

**a.2- Chuyển thành công ty TNHH 01 thành viên:**

- Công ty xổ số kiến thiết Quảng Ngãi (cuối năm 2006- 2007);

- Công ty Môi trường đô thị Quảng Ngãi.

**a.3- Triển khai đề án sắp xếp, đổi mới Nông, Lâm trường:**

- Nông trường 24/3 (chuyển thành Công ty nông nghiệp);

- Lâm trường Trà Tân, Lâm trường Ba Tô (chuyển thành Công ty lâm nghiệp sau khi tách diện tích rừng phòng hộ).

\* Mục tiêu: Tiến hành xây dựng Phương án đổi mới từng đơn vị và chuyển thành Công ty nhà nước theo qui định Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003.

**b) Chương trình năm 2007:**

**b.1- Cổ phần hóa:**

- Công ty quản lý bến và Dịch vụ vận tải Quảng Ngãi

- Công ty TNHH 1 thành viên Dược-Vật tư y tế Quảng Ngãi

**b.2- Chuyển thành công ty TNHH 1 thành viên:**

- Công ty khai thác Công trình thủy lợi Quảng Ngãi

**c) Chương trình năm 2008-2010:**

Củng cố và kiện toàn các công ty nhà nước đã được sắp xếp đổi mới trong các năm.

## **II/ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN GIAI ĐOẠN (2006-2010)**

**1) Số lượng doanh nghiệp thành lập mới:** 2.000 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là: 5.095 tỷ đồng.

**2) Số lượng hộ cá thể thành lập mới:** 10.000 hộ với số vốn đăng ký là: 2.370 tỷ đồng.

### **PHẦN III**

#### **NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Để đạt được mục tiêu của từng chương trình, UBND tỉnh yêu cầu: lãnh đạo các Sở, Ban ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chỉ đạo các bộ phận chuyên môn của cơ quan, đơn vị mình quán triệt và thực hiện nghiêm túc những nội dung sau đây:

#### **I/ Nhiệm vụ và giải pháp chung của các ngành**

1. Tiếp tục triển khai nghiêm túc, có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, tập trung vào việc thực hiện tốt cơ chế “một cửa” tại các cơ quan, đơn vị trong quan hệ giải quyết công việc với tổ chức và công dân. Tiếp tục duy trì đối thoại giữa UBND tỉnh, các sở, ban ngành với các doanh nghiệp mỗi quý 01 lần.

2. Tiếp tục thực hiện hoàn thành Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN giai đoạn 2003-2005 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Triển khai thực hiện Quyết định 134/2005/QĐ-TTg ngày 06/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh hình thức sắp xếp, đổi mới một số công ty nhà nước thuộc tỉnh quản lý. Triển khai đề án sắp xếp, đổi mới các Nông, Lâm trường đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Củng cố, phát triển những doanh nghiệp đã qua sắp xếp, đổi mới và giữ nguyên pháp nhân, giải quyết dứt điểm những tồn tại về tài chính, những khó khăn vướng mắc tạo điều kiện cho doanh nghiệp sau sắp xếp, đổi mới hoạt động có hiệu quả hơn và tăng khả năng cạnh tranh, khả năng gia nhập thị trường của các doanh nghiệp.

4. Tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Ban thẩm định, đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh) với các Sở, ngành liên quan trong việc đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp triển khai thực hiện



Phương án sắp xếp, đổi mới các công ty nhà nước. Thực hiện hợp định kỳ Ban thẩm định, đổi mới và phát triển doanh nghiệp mỗi quý một lần để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp trong quá trình sắp xếp hoặc sau sắp xếp, để có ý kiến tham mưu cho UBND tỉnh xem xét quyết định nhằm đẩy nhanh tiến độ đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

5. Các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi:

5.1- Rà soát, đánh giá lại các hồ sơ, trình tự, thủ tục, chi phí và điều kiện gia nhập thị trường đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, bao gồm các khâu đăng ký kinh doanh, khắc dấu, đăng ký mã số thuế, điều kiện kinh doanh... với mục tiêu xóa bỏ các thủ tục và chi phí bất hợp lý, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sau khi có đăng ký kinh doanh nhanh chóng gia nhập thị trường.

5.2- Tiếp tục rà soát, tập hợp danh mục các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần cấp giấy phép và không cần cấp giấy phép nếu xét thấy không cần thiết phải duy trì thì đề nghị các Bộ ngành Trung ương, Chính phủ hủy bỏ. Đồng thời phổ biến công khai, rộng rãi các ngành nghề kinh doanh có điều kiện còn hiệu lực trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhằm tạo điều kiện cho cả doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thực thi đúng luật.

6. Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề. Triển khai đồng bộ các chính sách của Chính phủ về ưu đãi giá thuê đất, thời hạn miễn giảm tiền thuê đất, hỗ trợ chi phí giải phóng mặt bằng; ứng vốn và chịu trách nhiệm đền bù giải phóng mặt bằng v.v... tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có cơ hội để đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

7. Tiếp tục thực hiện chủ trương hỗ trợ các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực phát triển đô thị; giúp doanh nghiệp nhanh chóng thực hiện các thủ tục hành chính trong việc chuyển nhượng mặt bằng cũ và tạo lập mặt bằng sản xuất tại địa điểm mới trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

8. Các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo sâu sát việc thực hiện có kết quả các giải pháp và nhiệm vụ về tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi và hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp theo qui định tại các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 09/2005/CT-TTg ngày 05/4/2005 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Luật Doanh nghiệp, khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và Chỉ thị số 40/2005/CT-TTg ngày 16/12/2005 về tiếp tục đẩy mạnh công tác trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **II/ Nhiệm vụ và giải pháp của từng ngành**

1. Trong quý III/2006 Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tập trung tập huấn Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư cho các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã phường, thị trấn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối, phối hợp với các Sở, Ban ngành và đơn vị liên quan:

2.1- Triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo thông qua phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, cực nhỏ (dự án PRIED) tài trợ.

2.2- Tiếp tục triển khai chương trình trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo Quyết định 143/2004/QĐ-TTg ngày 10/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ và qui chế quản lý thực hiện chương trình trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực DNNVV giai đoạn 2004-2008 ban hành kèm theo Quyết định số 1347/2004/QĐ-BKH ngày 24/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (lập kế hoạch cụ thể khi có kinh phí được phê duyệt).

2.3- Đẩy mạnh tin học hóa trong công tác đăng ký kinh doanh với mục tiêu hoàn thành mạng thông tin doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể. Phấn đấu đến năm 2010 hoàn thành việc kết nối mạng thông tin với các phòng đăng ký kinh doanh của các huyện, thành phố. Trong đó chú trọng các nội dung gồm xây dựng phần mềm đăng ký kinh doanh chuẩn; xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể trong tỉnh để phục vụ công tác công khai, trao đổi và cung cấp thông tin ở phạm vi trong tỉnh; xây dựng mạng chợ ảo về thông tin mua bán hàng hoá; tăng cường đào tạo công nghệ thông tin cho cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh ở tỉnh và huyện, thành phố. Xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử địa phương trong tỉnh.

2.4- Tiếp tục hoàn thiện và trình UBND tỉnh ban hành Qui chế phối hợp quản lý doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể theo qui định của Luật Doanh nghiệp năm 2005.

2.5- Duy trì thường xuyên việc thực hiện Qui chế phối hợp quản lý và hỗ trợ các cơ sở kinh tế giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh đã được ban hành trong năm 2005. Đồng thời nghiên cứu các qui định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và các qui định mới của Luật Thuế để sửa đổi, bổ sung qui chế phối hợp cho phù hợp với các qui định hiện hành.

3. Sở Thương mại và Du lịch tổ chức: triển khai chương trình trợ giúp xúc tiến xuất khẩu cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo các chương trình xúc tiến trọng điểm quốc gia của toàn ngành thương mại do Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt hàng năm (tại Công văn số 783/CP-KTTH ngày 08/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Thương mại chủ trì).

4. Sở Tài nguyên và Môi trường đẩy mạnh thực hiện chủ trương thu hồi đất sử dụng không có hiệu quả, không đúng mục đích để bố trí cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, cụ thể là thống kê và thu hồi đất đang để hoang hóa, đất sử dụng không đúng mục đích để bố trí cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, DNNVV đang có nhu cầu.

5. Sở Tài chính cùng với Chi nhánh ngân hàng Nhà nước, các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại và các Sở, ngành liên quan: tiếp tục thực hiện Nghị định 90/2001/NĐ-CP và Quyết định 193/2001/QĐ-TTg ban hành Quy chế thành lập tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV.

6. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục và tăng cường chính sách hỗ trợ cho những doanh nghiệp áp dụng để đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng như: ISO, HACCP.

7. Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh tiếp tục kiện toàn hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cấp huyện, thành phố khi có quyết định của Chính phủ theo qui định tại khoản 2 điều 163 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, Ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình tranh thủ mọi nguồn lực, tạo nguồn vốn và điều kiện thuận lợi để triển khai các chương trình nhằm khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Hué**